

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Sư phạm Lịch sử
Tên tiếng Anh	: History Teacher Education
Tên các chuyên ngành	
Mã ngành	: 7140218
Hình thức đào tạo	: Chính quy

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2094/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 07 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử

Mã ngành: 7140218

Tên tiếng Anh: History Teacher Education

Tên các chuyên ngành: Không

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử được kế thừa từ chương trình đào tạo sư phạm Lịch sử trước đó và được bổ sung, phát triển theo hướng phát huy tối đa năng lực của người học cùng với nội dung đào tạo toàn diện để đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và có năng lực học tập suốt đời. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử đào tạo cử nhân có kiến thức vững vàng về khoa học Lịch sử và khoa học giáo dục, có phẩm chất chính trị, đạo đức; có năng lực thực hành nghề nghiệp đáp ứng các chuẩn về nghề nghiệp dạy học Lịch sử phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông hiện nay đáp ứng được yêu cầu xã hội trong bối cảnh mới. Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử sau khi tốt nghiệp có khả năng làm tốt công tác giảng dạy, giáo dục Lịch sử ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Khi đạt trình độ cao hơn, có thể giảng dạy ở trường đại học, cao đẳng và dạy nghề; có khả năng công tác ở các cơ quan hành chính - sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, các khu di tích, bảo tàng; hoặc tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành phù hợp.

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử được xây dựng theo hệ thống tín chỉ, với 138 tín chỉ được chia thành 02 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn giúp người học có nhiều lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu của cá nhân. Nội dung chương trình đào tạo sát hợp với nội dung chương trình môn Lịch sử ở trường THPT. Tham gia giảng dạy chương trình cử nhân Sư phạm Lịch sử là đội ngũ giảng viên trình độ cao, có uy tín và giàu nhiệt huyết. Trường Đại học Quy Nhơn được biết đến là cái nôi của các ngành Sư phạm nói chung và Sư

phạm Lịch sử nói riêng, đào tạo ra hàng nghìn giáo viên phục vụ công tác giáo dục ở khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và nhiều tỉnh thành trên cả nước.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Sư phạm Lịch sử
2. Mã ngành đào tạo	7140218
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	138 (chưa bao gồm các học phần GDTC và GDQP-AN)
7. Khoa quản lý	Khoa Sư phạm
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn
11. Thang điểm đánh giá	Thang điểm 10, Thang điểm chữ và Thang điểm 4
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số HP và khối lượng học tập theo CTĐT; có điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4); đạt tất cả các chuẩn đầu ra đã được quy định cho ngành học; - Hoàn thành các học phần GDTC và có chứng chỉ GDQP - AN; - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và CNTT theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.
13. Vị trí việc làm	Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử có thể đảm nhận các vị trí công việc sau: - Trực tiếp giảng dạy Lịch sử ở trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Khi đạt trình độ cao hơn, có thể giảng dạy ở trường đại học, cao đẳng và dạy nghề; - Làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, các khu di tích, bảo tàng...; - Tiếp tục học lên ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ các ngành phù hợp.
14. Học tập nâng cao trình độ	Theo học các ngành, chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử, Quản lý giáo

	dục...
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử các trường: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 7/2025

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (kết hợp thực hành)	x	x	x
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			
	Khối kiến thức ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	x
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			
	Khối kiến thức bổ trợ	Các học phần lý thuyết (kết hợp thực hành)	x	x	x
		Các học phần thí nghiệm, thực hành	x		x
		Các học phần thực tập, thực tế	x	x	x
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp				x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi nghiệp vụ sư phạm, nhà giáo thông thái, hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,			x	x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh, chủ nhật xanh...)		x	x	
	Hiến máu nhân đạo		x		
	Hoạt động vì người nghèo		x		

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn	x	x	x
	PLO2	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức hỗ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Lịch sử trong nhà trường	x	x	x
	PLO3	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức hỗ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học môn Lịch sử trong nhà trường	x	x	x
	PLO4	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức hỗ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học	x		x
	PLO5	Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp		x	x
	PLO6	Thực hiện nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện	x	x	x
	PLO7	Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp	x		x
	PLO8	Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc		x	x
	PLO9	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện	x	x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị và sức khỏe tốt; có kiến thức về

khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có năng lực giảng dạy Lịch sử ở các cấp học; có năng lực số và khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và hội nhập quốc tế.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

- + PO1: Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thực tiễn nghề nghiệp của giáo viên Lịch sử.
- + PO2: Có tư duy phản biện, chủ động hợp tác và giải quyết các vấn đề về giáo dục của nhà trường, địa phương, quốc gia và khu vực.
- + PO3: Có năng lực giảng dạy, năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực số và năng lực tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
- + PO4: Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

PLO1: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn	PI 1.1: Xác định kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn
	PI 1.2: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn
PLO2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Lịch sử trong nhà trường	PI 2.1: Xác định những kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Lịch sử
	PI 2.2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Lịch sử
PLO3: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học môn Lịch sử trong nhà trường	PI 3.1: Tổng hợp kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học môn Lịch sử
	PI 3.2: Điều khiển quá trình tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học môn Lịch sử
PLO4: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học	PI 4.1: Xác định các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
	PI 4.2: Sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
PLO5: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp	PI 5.1: Xác định kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp, giao tiếp sư phạm của người giáo viên trong nhà trường
	PI 5.2: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển các

	mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội
PLO6: Thực hiện nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện	PI 6.1: Thực hiện nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả học tập và thực hành nghề nghiệp
	PI 6.2: Thực hiện tư duy phản biện nhằm phát triển năng lực toàn diện cho người học
PLO7: Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp	PI 7.1: Xác định các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ cho hoạt động học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp
	PI 7.2: Sử dụng các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp, đổi mới giáo dục và tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả, sáng tạo
PLO8: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc	PI 8.1: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân để chủ động tiếp cận kiến thức, phát triển tư duy độc lập và xây dựng phương pháp học tập hiệu quả.
	PI 8.2: Thực hiện khả năng hợp tác nhằm nâng cao chất lượng học tập, phát triển toàn diện cho người học và xây dựng môi trường giáo dục phản ánh văn hóa đặc trưng của nhà trường
PLO9: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện	PI 9.1: Xác định những vấn đề đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và ý thức phục vụ cộng đồng
	PI 9.2: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng nhằm định hướng nhân cách người học, xây dựng môi trường học tập tích cực, góp phần phát triển con người toàn diện

1.5.1. Về kiến thức

+ Kiến thức chung

1) PLO1: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn.

+ Kiến thức chuyên môn

2) PLO2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Lịch sử trong nhà trường.

3) PLO3: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động

dạy học môn Lịch sử trong nhà trường.

4) PLO4: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học.

1.5.2. Về kỹ năng

5) PLO5: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp.

6) PLO6: Thực hiện nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện.

7) PLO7: Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

8) PLO8: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc.

9) PLO9: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
PO1	x	x	x	x	x	x			
PO2						x		x	
PO3			x				x	x	
PO4									x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Giảng viên nghiên cứu mục tiêu đào tạo của chương trình, khung chương trình, học phần để xác lập mục tiêu, chuẩn đầu ra, lựa chọn nội dung, phương pháp để tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao.

+ Giảng viên chuẩn bị đầy đủ: tập bài giảng và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy. Tập bài giảng phải thể hiện rõ được mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, phương tiện, kỹ năng, trình tự, nội dung giảng dạy. Mục tiêu của mỗi tiết học, nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu chung của học phần (khối kiến thức), chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp với chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức trong tập bài giảng phải thống nhất với nội dung kiến thức của đề cương chi tiết bài giảng đã được thông qua tại Hội đồng Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung học tập phải gắn với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo.

+ Phương pháp giảng dạy được sử dụng phải phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt và phù hợp với đối tượng người học, kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong một học phần.

- Các phương pháp giảng dạy - học tập

+ Dạy học trực tiếp: Dạy học trực tiếp là quá trình giáo viên trực tiếp truyền đạt thông tin, kiến thức cơ bản cho người học, trong đó người dạy đóng vai trò chủ động kiểm soát, hướng dẫn và triển khai các hoạt động giảng dạy. Qua việc trình bày, giải thích và hướng dẫn chi tiết, giáo viên giúp người học tiếp cận, lĩnh hội và hiểu rõ nội dung bài học. Đây là chiến lược dạy học hiệu quả trong việc cung cấp kiến thức hệ thống, hướng dẫn kỹ năng mới tạo nền tảng vững chắc để người học áp dụng những kiến thức này vào công tác chuyên môn và phát triển kỹ năng thực tiễn. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Thuyết giảng/ Diễn giảng/ Thuyết trình; Giải thích, minh họa; Đàm thoại (Hỏi đáp); Nêu vấn đề; Phương pháp mô phỏng; Hướng dẫn thực hành (Làm mẫu).

+ Dạy học gián tiếp: Dạy học gián tiếp là chiến lược giảng dạy trong đó người học được tạo điều kiện học tập mà không cần sự can thiệp trực tiếp của giảng viên qua các hoạt động giảng dạy công khai. Đây là phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, khuyến khích người học tham gia tích cực vào quá trình học tập, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Thông qua chiến lược này, người học không chỉ phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu mà còn nâng cao ý thức và trách nhiệm cá nhân đối với việc học của mình. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập dựa trên tình huống; Học tập dựa trên vấn đề; Câu hỏi gợi mở; Dạy học trực tuyến; Bài tập; Thảo luận; Tranh luận; Dự án.

+ Học tập trải nghiệm: Học tập trải nghiệm gồm bốn chu trình: Trải nghiệm cụ thể, trong đó người học tham gia vào các hoạt động thực tiễn như thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm hay đi thực tế; chiêm nghiệm, khi người học suy ngẫm và phân tích các kết quả, hành vi, cảm xúc từ trải nghiệm; hình thành khái niệm, khi người học rút ra bài học, lý thuyết từ quá trình chiêm nghiệm; và thử nghiệm tích cực, khi người học áp dụng kiến thức vào tình huống mới để kiểm nghiệm và điều chỉnh. Phương pháp này không chỉ giúp phát triển kiến thức và kỹ năng mà còn nâng cao thái độ của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập trải nghiệm; Thực tập; Thực tế; Mô phỏng; Thực hành; Thảo luận; Dự án.

+ Dạy học tương tác: Dạy học tương tác là chiến lược trong đó người học không chỉ tiếp nhận kiến thức từ giảng viên mà còn tương tác với nhau, với giảng viên và với nội dung bài học. Giảng viên tổ chức, điều phối quá trình học tập, trong khi sinh viên chủ động tham gia thảo luận, đối thoại và hợp tác để tạo ra tri thức. Đây là quá trình tương tác hai chiều, phản hồi liên tục và thích ứng, giúp phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và nâng cao sự tự tin, chủ động

của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Bài giảng tương tác; Bài tập nhóm; Thảo luận; Tranh luận/ Tranh biện; Thực hành; Thực tập; Thực tế; Dự án.

+ Tự học: Tự học là chiến lược học tập trong đó người học tự định hướng và điều khiển quá trình học của mình với ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Người học chủ động tìm kiếm tri thức, lập kế hoạch học tập và thực hiện các nhiệm vụ học thông qua bài tập, dự án hoặc vấn đề mà giảng viên gợi ý. Chiến lược này giúp phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, sự tự chủ và trách nhiệm của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập trực tuyến; Bài tập ở nhà; Học tập tự định hướng; Thực hành; Thực tập; Thực tế; Dự án.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Dạy trực tiếp									
1. Thuyết giảng/Diễn giảng/ Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Giải thích, minh họa	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Đàm thoại (Hỏi đáp)	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Nêu vấn đề	x	x	x	x	x			x	x
5. Phương pháp mô phỏng		x	x	x	x				
6. Hướng dẫn thực hành (Làm mẫu)	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Dạy gián tiếp									
7. Học tập dựa trên tình huống	x	x	x		x			x	x
8. Học tập dựa trên vấn đề	x	x	x		x			x	x
9. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x		x	x
10. Dạy học trực tuyến	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11. Bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12. Thảo luận	x	x	x	x	x			x	x
13. Tranh luận	x	x	x		x	x		x	x
14. Dự án		x	x	x	x	x	x	x	x
III. Học trải nghiệm						x			
15. Thực tập, thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x
16. Mô phỏng		x	x	x	x			x	x
17. Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x
18. Thảo luận	x	x	x	x	x			x	x

19. Dự án		X	X	X	X	X	X	X	X
IV. Dạy học tương tác									
20. Bài giảng tương tác	X	X	X	X	X			X	X
21. Bài tập nhóm		X	X	X	X	X	X	X	X
22. Thảo luận	X	X	X	X				X	X
23. Tranh luận/ Tranh biện	X	X	X		X	X		X	X
24. Thực tập, thực tế		X	X	X	X	X	X	X	X
25. Thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X
26. Dự án		X	X		X	X	X	X	X
V. Tự học									
27. Bài tập ở nhà		X	X	X	X	X	X	X	
28. Học tập trực tuyến	X	X	X	X	X	X	X	X	X
29. Học tập tự định hướng						X	X	X	X
30. Thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X
31. Thực tập, thực tế		X	X	X	X	X	X	X	X
32. Dự án		X	X	X	X	X	X	X	X

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chương trình đào tạo thường xuyên được rà soát, đánh giá và cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá được áp dụng để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức nhiều buổi seminar để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực của GV.

+ Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về phẩm chất, năng lực, đạo đức, trách nhiệm của GV trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

*** Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

*** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

a. Học phần lý thuyết

STT	Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá quá trình	- Chuyên cần: Thời gian tham dự buổi học bắt buộc; tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng - Bài tập (kỹ năng, nhóm): bài làm đúng và đầy đủ, thể hiện được quan điểm cá nhân	30%, 40% hoặc 50% điểm học phần

		- Thuyết trình (cá nhân, nhóm): mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng thuyết trình - Thảo luận (cá nhân, nhóm): mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, sôi nổi, thể hiện được quan điểm cá nhân - Tự luận: bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá - Vấn đáp: trả lời đúng nội dung kiến thức, có kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân - Trắc nghiệm: Trả lời đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá - Thực hành: Thực hiện tốt bài thực hành theo yêu cầu của giảng viên	
2	Đánh giá tổng kết	- Tự luận: bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá - Thuyết trình: mức độ chuẩn bị, nội dung thông tin, kỹ năng truyền đạt - Vấn đáp: trả lời đúng nội dung kiến thức, có kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân - Trắc nghiệm: Trả lời đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá - Bài tập kỹ năng: bài làm đúng và đầy đủ - Bài tập nhóm: bài làm đúng và đầy đủ - Bài tập lớn: đúng yêu cầu về hình thức, cấu trúc, nội dung.	70%, 60% hoặc 50% điểm học phần

b) Học phần thực hành: Người học phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành theo kế hoạch giảng dạy. Điểm của học phần thực hành được tính bằng trung bình cộng của các bài thực hành trong học kỳ, làm tròn đến một chữ số thập phân.

c) Học phần thực tập sư phạm: Người học phải tham dự đầy đủ các buổi kiến tập và thực tập sư phạm theo kế hoạch. Nội dung thực tập bao gồm: tìm hiểu thực tế giáo dục; kiến tập và thực tập giảng dạy; kiến tập và thực tập công tác giáo dục. Tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong Quy chế thực tập sư phạm do Trường Đại học Quy Nhơn ban hành.

d) Học phần khóa luận tốt nghiệp: Thực hiện theo Điều 15 của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 01/7/2021 của Trường Đại học Quy Nhơn. Theo đó, việc đánh giá khóa luận tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập. Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí: hình thức báo cáo, chất lượng nội dung báo cáo và chất lượng phần bảo vệ. Các nội dung đánh giá được xác định theo các tiêu chí cụ thể trong bảng tiêu chí đánh giá (rubrics). Điểm đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm thành phần của các thành viên hội đồng và người hướng dẫn. Điểm đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp tính theo thang điểm 10 làm tròn lấy một chữ số thập phân.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Đánh giá tiến trình									
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Đánh giá thuyết trình	x	x	x		x	x		x	x
4. Đánh giá tự luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Đánh giá vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Đánh giá trắc nghiệm		x	x	x	x		x	x	x
7. Đánh giá thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết									
8. Kiểm tra tự luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12. Đánh giá bài tập kỹ năng	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13. Đánh giá bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x
14. Đánh giá bài tập lớn		x				x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	0
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	0
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	0
1.3.	Ngoại ngữ	7	0
1.4.	KHXH/Toán, KHTN- Môi trường, KH quản lý	4	0

2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	108	6
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	30	0
2.2.	Kiến thức ngành	41	4
2.3.	Kiến thức bổ trợ	31	2
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	0
Tổng:		132	6
		138	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 38 học phần (kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục QP - AN)

Khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức cơ bản nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh để rèn luyện phẩm chất chính trị cho người giáo viên tương lai. Trong khối kiến thức này, SV còn được trang bị tiếng Anh nhằm đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, làm cơ sở để SV mở rộng vốn kiến thức, văn hóa, giao tiếp trong học tập, nghiên cứu và cuộc sống. Bên cạnh đó, SV còn được trang bị các kiến thức về giao tiếp sư phạm, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp để sau khi ra trường có thể đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và sự thay đổi của nghề nghiệp, để nắm bắt được các cơ hội việc làm. Đồng thời, trong khối kiến thức này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ Tổ quốc.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 55 học phần:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (12 học phần) giúp người học có kiến thức cơ sở ngành Sư phạm Lịch sử về: Tin học cơ sở; Tâm lý học; Giáo dục học; Nhập môn Sử học; Cơ sở khảo cổ học; Cơ sở văn hóa Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới; Quan hệ quốc tế; Thể chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới; Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam; Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam; Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam. Đây là khối kiến thức nền tảng, đặt cơ sở để sinh viên tiếp nhận kiến thức ngành; vận dụng vào việc xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục; tổ chức hoạt động giảng dạy và hoạt động giáo dục sau khi tốt nghiệp.

+ Khối kiến thức ngành (23 học phần trong đó có 04 học phần tự chọn) giúp cho người học có kiến thức vững chắc và chuyên sâu về Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam; vận dụng được những kiến thức này để tiến hành các hoạt động xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục, tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; vận dụng vào nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn; khai thác, phát triển được học liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu; có kỹ

năng tốt về thuyết trình; có tư duy phản biện; có khả năng làm việc độc lập và khả năng hợp tác giải quyết các vấn đề liên quan đến Lịch sử.

- Khối kiến thức bổ trợ (16 học phần, trong đó có 03 học phần tự chọn) giúp cho người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông; dạy học theo hướng phát triển năng lực, tích hợp và phân hóa, các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra và đánh giá trong dạy học môn Lịch sử... để người học có đủ năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học ở nhà trường phổ thông. Người học cũng được trải nghiệm thực tế tìm hiểu, nghiên cứu Lịch sử bên ngoài lớp học thông qua hoạt động thực tế chuyên môn, trải nghiệm dạy học Lịch sử và giáo dục học sinh ở trường phổ thông thông qua hoạt động thực tập sư phạm. Khối kiến thức này còn giúp người học có kỹ giảng dạy, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng xử lý tốt các tình huống sư phạm; có kỹ năng tốt trong việc truyền đạt, chuyển tải kiến thức đến người khác. Thực hiện nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và thực hành nghề nghiệp. Sử dụng các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp, đổi mới giáo dục và tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả, sáng tạo. Có tư duy phản biện và khả năng hợp tác giải quyết các vấn đề liên quan đến dạy học và giáo dục Lịch sử. Xác định và thực hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng nhằm định hướng nhân cách người học, xây dựng môi trường học tập tích cực, góp phần phát triển con người toàn diện.

+ Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế tốt nghiệp (04 học phần) giúp cho người học hoàn thành các nội dung học tập cuối khóa bằng viết khóa luận tốt nghiệp hoặc các chuyên đề thay thế liên quan đến ngành học.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	17,4%									
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	9,43%	L				L	L		L	L
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	8%	L							L	L
1.3.	Ngoại ngữ	7	5,07%	L				L		L	L	
1.4.	KHXH/Toán, KHTN-Môi trường, KH quản lý	4	2,90%	M			L	M			M	M
2	Khối kiến thức giáo dục	114	82,6%									

	chuyên nghiệp											
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	30	21,74%	H	L	L	L	M		M	M	M
2.2.	Kiến thức ngành	45	32,60%		H	H			H		M	
2.3.	Kiến thức bổ trợ	33	23,92%	H	H	H	H	H	H	H	H	H
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	4,34%		H	H			H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				24									
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				13									
01	1130299	Triết học Mác - Lênin	1	3	40		10			95		LLCT-Luật và QLNN	
02	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6			62	1130299	LLCT-Luật và QLNN	
03	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6			62		LLCT-Luật và QLNN	
04	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			62	1130300	LLCT-Luật và QLNN	
05	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			62	1130301	LLCT-Luật và QLNN	
06	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			62	1130302	LLCT-Luật và QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN				12									
Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 01 trong 08 nhóm sau				3									
07	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
08	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	2	1	4			26		21	1120172	GDTC-QP	
09	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	3	1	4			26		21	1120173	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	

11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	2	1	4			26		21	1120175	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	3	1	4			26		21	1120176	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	2	1	4			26		21	1120178	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	3	1	4			26		21	1120179	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	2	1	4			26		21	1120181	GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	3	1	4			26		21	1120182	GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	2	1	4			26		21	1120184	GDTC-QP	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	3	1	4			26		21	1120185	GDTC-QP	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	2	1	4			26		21	1120187	GDTC-QP	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	3	1	4			26		21	1120188	GDTC-QP	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	2	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	3	1	4			26		21	1120191	GDTC-QP	
28	1120239	Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
29	1120240	Giáo dục thể chất 2 (Pickleball 2)	2	1	4			26		21	1120239	GDTC-QP	
30	1120241	Giáo dục thể chất 3 (Pickleball 3)	3	1	4			26		21	1120240	GDTC-QP	
Giáo dục quốc phòng-AN			9										
31	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	4	3	37		8			82		TT.GDQP-AN	
32	1120169	Giáo dục quốc phòng-An	4	2	22		8			52		TT.GDQP-AN	

		ninh 2											
33	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	4	2	14			16		44		TT.GDQP-AN	
34	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	4	2	4			56		36		TT.GDQP-AN	
I.3. Ngoại ngữ				7									
35	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				100		Ngoại ngữ	
36	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				135	1090061	Ngoại ngữ	
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý				4									
37	2010156	Giao tiếp Sư phạm	4	2	20			20		55	2030410	Sư phạm	
38	2010171	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông	5	2	20			20		55	2030410	Sư phạm	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				114									
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành				30									
39	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	1	3	30			30		85		CNTT	
40	1100086	Tâm lý học	2	3	30	10	10			95	1130299	KHXH&NV	
41	2030410	Giáo dục học	3	4	36	20		8		131	1100086	KHXH&NV	
42	2030373	Cơ sở khảo cổ học	1	2	26	2	4			63		KHXH&NV	
43	2030408	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	26	2	4			63		KHXH&NV	
44	2030488	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	39	3	6					KHXH&NV	
45	2030485	Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam	2	2	26	2	4			63		KHXH&NV	
46	2030489	Quan hệ quốc tế	5	2	26	2	4			63		KHXH&NV	
47	2030490	Thế chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới	6	3	39	3	6			97	2030496	KHXH&NV	
48	2030491	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	6	2	26	2	4			63	2030378	KHXH&NV	
49	2030492	Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	3	2	26	2	4			63		KHXH&NV	
50	2010154	Nhập môn Sử học	1	2	26	2	4			63		Sư phạm	
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)				45									
II.2.1. Kiến thức ngành				45									
II.2.1a. Phần bắt buộc				41									
51	2030374	Lịch sử thế giới cổ-trung đại 1	1	2	26	2	4			63		KHXH&NV	
52	2030377	Lịch sử thế giới cổ-	2	2	26	2	4			63	2030374	KHXH&NV	

		trung đại 2											
53	2030493	Lịch sử thế giới cận đại 1	3	2	26	2	4			63	2030377	KHXXH&NV	
54	2030494	Lịch sử thế giới cận đại 2	3	2	26	2	4			63	2030493	KHXXH&NV	
55	2030495	Lịch sử thế giới hiện đại 1	4	2	26	2	4			63	2030494	KHXXH&NV	
56	2030496	Lịch sử thế giới hiện đại 2	4	2	26	2	4			63	2030495	KHXXH&NV	
57	2030375	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 1	1	2	26	2	4			63		KHXXH&NV	
58	2030378	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 2	2	2	26	2	4			63	2030375	KHXXH&NV	
59	2030497	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	3	2	26	2	4			63	2030378	KHXXH&NV	
60	2030498	Lịch sử Việt Nam cận đại 2	3	2	26	2	4			63	2030497	KHXXH&NV	
61	2030499	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	4	2	26	2	4			63	2030498	KHXXH&NV	
62	2030500	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	4	2	26	2	4			63	2030499	KHXXH&NV	
63	2030501	Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội hiện thực	7	3	39	3	6			97	2030496	KHXXH&NV	
64	2030502	Lịch sử khu vực Đông Nam Á	7	3	39	3	6			97	2030496	KHXXH&NV	
65	2030503	Biển đảo Việt Nam trong lịch sử	6	2	26	2	4			63	2030500	KHXXH&NV	
66	2030504	Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam	5	2	26	2	4			63	2030500	KHXXH&NV	
67	2030505	Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam	7	3	39	3	6			97	2030500	KHXXH&NV	
68	2030506	Lịch sử đối ngoại của Việt Nam thời cận - hiện đại	5	2	26	2	4			63	2030500	KHXXH&NV	
69	2030507	Cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam	6	2	26	2	4			63	2030500	KHXXH&NV	
II.2.1b. Phần tự chọn			4										
Chọn 01 trong 02 học phần			2										
70	2030508	Nhật Bản từ năm 1945 đến nay	5	2	26	2	4			63	2030496	KHXXH&NV	
71	2030509	Chiến tranh và hòa bình trong thế kỷ XX	5	2	26	2	4			63	2030496	KHXXH&NV	
Chọn 01 trong 02 học phần			2										

72	2030510	Lịch sử kinh tế Việt Nam	6	2	26	2	4			63	2030500	KHXXH&NV	
73	2030511	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	6	2	26	2	4			63	2030500	KHXXH&NV	
II.3. Kiến thức bổ trợ			33										
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp			25										
III.3.1a. Phần bắt buộc			23										
74	2010232	Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử địa phương	5	2	20			20		55		Sư phạm	
75	2010233	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	7	2	20			20		55	2010235	Sư phạm	
76	2010234	Phương pháp luận Sử học	5	2	26	2	4			63		Sư phạm	
77	2010235	Lý luận dạy học Lịch sử	4	4	45			30		120	2030410	Sư phạm	
78	2010236	Phương pháp và kỹ thuật dạy học Lịch sử	5	3	30			30		85	2010235	Sư phạm	
79	2010237	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học lịch sử	6	2	20			20		55	2010235	Sư phạm	
80	2010238	Ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử	6	2	20			20		55	2010235	Sư phạm	
81	2010239	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử	7	2	20			20		55	2010235	Sư phạm	
82	2010072	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	6	2				60		35	2010235	Sư phạm	
83	1070255	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	7	2				60		35	2010072	Sư phạm	
III.3.1b. Phần tự chọn			2										
Chọn 1 trong 3 học phần			2										
84	2010240	Phương tiện dạy học Lịch sử	7	2	20			20		55	2010235	Sư phạm	
85	2010299	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử	7	2	20			20		55	2010235	Sư phạm	
86	1150422	Khởi nghiệp	7	2	20	5	10			60	1130049	TC-NH&QTKD	
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp			8										
87	1070119	Thực tập sư phạm 1	7	1				TT			2010072	Sư phạm	
88	1070120	Thực tập sư phạm 2	8	5				TT			1070119	Sư phạm	
89	2010071	Thực tế chuyên môn	6	2				TT				Sư phạm	
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế			6										
90	2010075	Khóa luận tốt nghiệp	8	6				KL				Sư phạm	

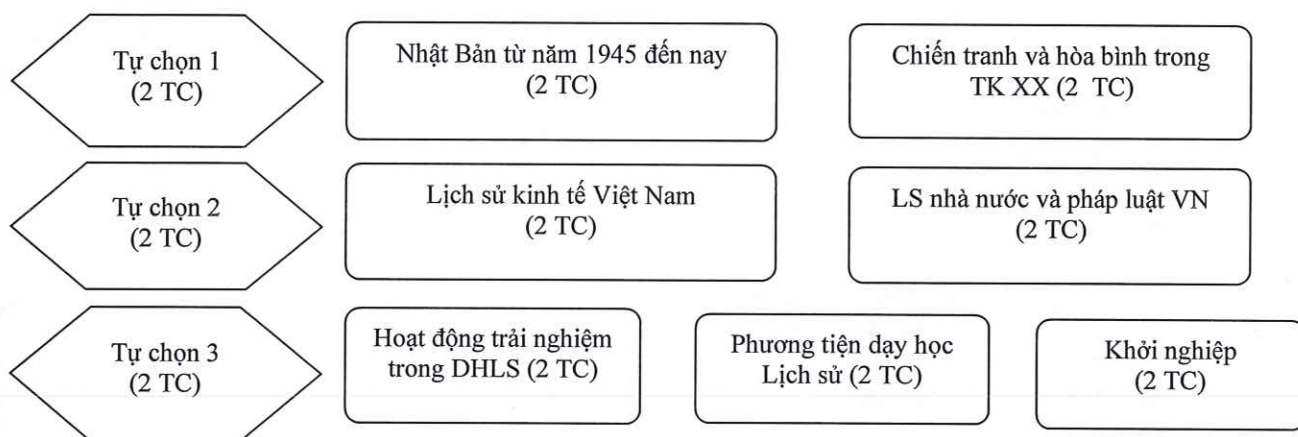
Học phần thay thế				6									
91	2030512	Một số vấn đề cơ bản về lịch sử thế giới	8	2	26	2	4			63	2030496	KHXXH&NV	
92	2030513	Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam	8	2	26	2	4			63	2030500	KHXXH&NV	
93	2010076	Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử	8	2	20			20		55	2010235	Sư phạm	
Tổng cộng:				138									

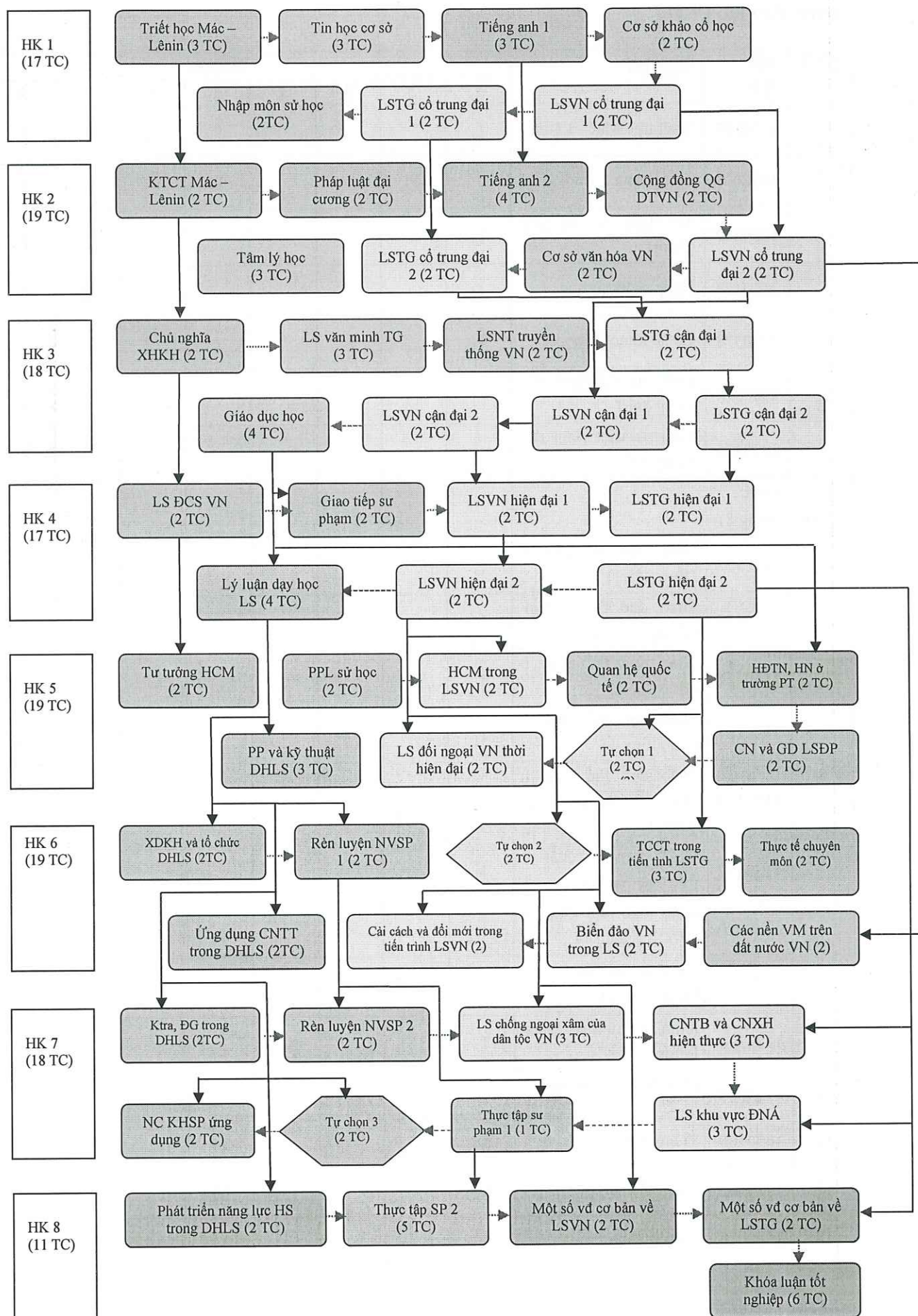
2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy

Chú thích:

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)		Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành		Học phần song hành

Danh sách các học phần tự chọn





2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1130299	Triết học Mác - Lênin	L					L		L	L
2	1090061	Tiếng Anh 1		L			L		L	L	
3	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	L						L	L	
4	2010154	Nhập môn Sử học	L						M	L	
5	2030373	Cơ sở khảo cổ học	L		L						
6	2030374	Lịch sử thế giới cổ-trung đại 1			L					L	
7	2030375	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 1			L					L	
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 8)											
8	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	L							L	
	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	L							L	
	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	L							L	
	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	L							L	
	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	L							L	
	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	L							L	
	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	L							L	
	1120239	Giáo dục thể chất 1 (Pickle ball 1)	L							L	
9	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	L							L	L
10	1130049	Pháp luật đại cương	L							L	L
11	1090166	Tiếng Anh 2	M				M		M	M	
12	2010156	Giao tiếp sư phạm	M				M			M	M
13	1100086	Tâm lý học	M				M			M	M

14	2030408	Cơ sở văn hóa Việt Nam	M								
15	2030377	Lịch sử thể giới cổ-trung đại 2			L			L			
16	2030378	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 2			L			L			
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 8)											
17	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	M							M	
	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	M							M	
	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	M							M	
	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	M							M	
	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	M							M	
	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	M							M	
	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	M							M	
	1120240	Giáo dục thể chất 2 (Pickle ball 2)	M							M	
18	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M							M	M
19	2030489	Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam	M	L			L				
20	2030492	Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	M	L							
21	1100026	Giáo dục học	M		L	L	M				M
22	2030493	Lịch sử thể giới cận đại 1			M					M	
23	2030484	Lịch sử thể giới cận đại 2			M			M			
24	2030497	Lịch sử Việt Nam cận đại 1			M					M	
25	2030498	Lịch sử Việt Nam cận đại 2			M			M			
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 8)											
26	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	M							M	
	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	M							M	

	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	M							M	
	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	M							M	
	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	M							M	
	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	M							M	
	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	M							M	
	1120241	Giáo dục thể chất 3 (Pickle ball 3)	M							M	
27	1120168	Giáo dục quốc phòng- An ninh 1	M								M
28	1120169	Giáo dục quốc phòng- An ninh 2	M								M
29	1120170	Giáo dục quốc phòng- An ninh 3	M								M
30	1120171	Giáo dục quốc phòng- An ninh 4	M								M
31	1130302	Lịch sử Đảng CSVN	M							M	M
32	2030488	Lịch sử văn minh thế giới	M	L							
33	2030495	Lịch sử thế giới hiện đại 1			M					L	
34	2030496	Lịch sử thế giới hiện đại 2			M			L			
35	2030499	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1			M					L	
36	2030500	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2			M			L			
37	2010235	Lý luận dạy học Lịch sử			M	L	M				
38	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M				M			M	M
39	2010171	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông	M			L	M			M	M
40	2030489	Quan hệ quốc tế	M		L						
41	2030504	Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam		M				M			
42	2030506	Lịch sử đối ngoại của Việt Nam thời cận - hiện đại		M				M			
43	2010234	Phương pháp luận Sử học			L			L			

44	2010236	Phương pháp và kỹ thuật dạy học Lịch sử		M	M	L			L		
45	2010232	Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử địa phương			M	M		M			
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 2)											
46	2030508	Nhật Bản từ năm 1945 đến nay		M	M					M	
	2030509	Chiến tranh và hòa bình trong thế kỷ XX		M	M					M	
47	2030490	Thế chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới	H	M							
48	2030491	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	H	M							
49	2030504	Biển đảo Việt Nam trong lịch sử		M				M			
50	2030507	Cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam		M				M			
51	2010237	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học lịch sử		M	M	L	M				
52	2010071	Thực tế chuyên môn		M			M	M		M	
53	2010072	Rèn luyện nghiệp vụ SP 1		M			M	M		M	M
54	2010238	Ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử			H	M			H	M	
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 2)											
55	2030510	Lịch sử kinh tế Việt Nam		M						M	
	2030511	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam		M						M	
56	2030501	Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội hiện thực		H				H			
57	2030502	Lịch sử khu vực Đông Nam Á			H			H			
58	2030505	Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam			H			H			
59	2010239	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử				H			M		
60	1070255	Rèn luyện nghiệp vụ SP 2		H	H	H	H		M		H

61	2010233	Nghiên cứu KHSP ứng dụng						M,H	M	M	M
62	1070119	Thực tập sư phạm 1	H	H	H		H		H	H	H
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 3)											
63	2010299	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử			H	M				M	
	2010240	Phương tiện dạy học Lịch sử			H	M				M	
	1150422	Khởi nghiệp			H	M				M	
64	1070120	Thực tập sư phạm 2	H	H	H	H	H		H	H	H
65	2010075	Khóa luận tốt nghiệp		H	H			H		H	H
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp											
66	2030512	Một số vấn đề cơ bản về lịch sử thế giới		H	H			H		H	
67	2030513	Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam		H	H			H		H	
68	2010076	Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử			H			H		H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác - Lênin], [03]

Là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình bậc đại học được dạy vào học kỳ 1 của chương trình đào tạo, góp phần cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học để học tập các học phần tiếp theo cũng như định hướng cho hoạt động thực tiễn. Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về triết học và triết học Mác - Lênin như giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành và phát triển; những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác - Lênin... Đặc biệt là trang bị kiến thức về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác - Lênin], [02]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 bàn về

những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.3. [1130049], [Pháp luật đại cương], [02]

Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 1, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của pháp luật từ đó hình thành ý thức và kỹ năng thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.

2.6.4. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [02]

Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 7 chương, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cơ bản cho người học như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình... trong TKQĐ lên CNXH.

2.6.5. [1130302], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [02]

Học phần thuộc học kỳ 4, là học phần bắt buộc trong chương trình học. Học phần góp phần cung cấp các quan điểm chính trị đúng đắn, nắm bắt được đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam cho người học. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

2.6.6. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [02]

Học phần thuộc học kỳ 5, là học phần bắt buộc trong chương trình học, thuộc thành phần giáo dục đại cương. Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 1 trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản như: các bài tập khởi động, kỹ thuật tăng bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, các bài tập thể lực, và thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 5 người.

2.6.8. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 2 trang bị cho người học kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao, và thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 7 người.

2.6.9. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 3 trang bị cho người học kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật ném biên, đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật nhận bóng, ôn tập nâng cao các kỹ thuật tăng bóng, sút bóng, dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 11 người, thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 11 người, kiến thức về lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam

2.6.10. [1120175], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)], [01]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.11. [1120176], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)], [01]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người

học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.12. [1120177], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)], [01]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.13. [1120178], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.14. [1120179], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.15. [1120180], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống, làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

2.6.16. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất. Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.17. [1120182], [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất. Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội

2.6.18. [1120183], [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất. Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.19. [1120184], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 1 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền thuật nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển vận động, thành tích học tập. Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tinh tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.20. [1120185], [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 1 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền thuật nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển vận động, thành tích học tập. Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.21. [1120186], [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 1 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền thuật nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển vận động, thành tích học tập. Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.22. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đâm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)... Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây: Lịch sử phát triển Taekwondo; Phân tích các kỹ thuật Taekwondo; Luật thi đấu Taekwondo; Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công; Kỹ thuật đối luyện; Kỹ thuật quyền. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.23. [1120188], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đâm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)... Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần

và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây: Lịch sử phát triển Taekwondo; Phân tích các kỹ thuật Taekwondo; Luật thi đấu Taekwondo; Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công; Kỹ thuật đối luyện; Kỹ thuật quyền. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.24. [1120189], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)... Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây: Lịch sử phát triển Taekwondo; Phân tích các kỹ thuật Taekwondo; Luật thi đấu Taekwondo; Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công; Kỹ thuật đối luyện; Kỹ thuật quyền. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.25. [1120190], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.26. [1120191], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.27. [1120192], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học.

Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.28. [1120239], [Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 1)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.29. [1120240], [Giáo dục thể chất 2 (Pickleball 2)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.30. [1120241], [Giáo dục thể chất 3 (Pickleball 3)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.31. [1120168], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 1], [3 TC]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội

với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.32. [1120169], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 2], [2 TC]

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2.6.33. [1120170], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 3], [2 TC]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

2.6.34. [1120171], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 4], [2 TC]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

2.6.35. [1090061], [Tiếng Anh 1], [03]

Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, thuộc khối Kiến thức đại cương và được giảng dạy ở học kỳ một. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những khía cạnh văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão; ở nhà và xa nhà. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngôn ngữ và văn hóa Anh đã học vào thực hành nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh chuyên ngành.

2.6.36. [1090166], [Tiếng Anh 2], [04]

Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, thuộc khối Kiến thức đại cương và được giảng dạy ở học kỳ hai. Học phần trang bị thêm cho sinh

viên kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học trong Tiếng Anh 1 và những khía cạnh văn hóa Anh về các chủ đề hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp và văn hóa Anh đã học vào thực hành nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần Tiếng Anh chuyên ngành.

2.6.37. [2010156], [Giao tiếp sư phạm], [02]

Giao tiếp sư phạm là học phần thuộc khối kiến giáo dục đại cương và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 2 năm thứ nhất. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lý luận giao tiếp, giao tiếp sư phạm; kỹ năng giao tiếp sư phạm; kỹ năng xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm mà người giáo viên thường gặp. Đồng thời, thông qua các hoạt động thực hành và các hoạt động học tập khác, người học được rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả, phát triển năng lực sư phạm và xây dựng môi trường giáo dục tích cực.

2.6.38. [2010171], [Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông], [02]

Học phần Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông là học phần thuộc khối kiến giáo dục đại cương và được tổ chức giảng dạy vào học kì V, năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho SV những kiến thức lý luận chung về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các hình thức, biện pháp tổ chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông. Qua đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành tổ chức hoạt động và vận dụng các phương pháp, công cụ đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với thực tiễn giáo dục phổ thông.

2.6.39. [1050242], [Tin học cơ sở], [03]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của ngành học, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

2.6.40. [1100086], [Tâm lý học], [03]

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản của khoa học tâm lý, bao gồm: bản chất của các hiện tượng tâm lý, hoạt động nhận thức, nhân cách; đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức. Qua đó, sinh viên hình thành năng lực giải thích, phân tích và vận dụng kiến thức tâm lý học vào thực tiễn giáo dục; phát triển năng lực giao tiếp sư phạm, giáo dục đạo đức và xây dựng môi trường học tập tích cực, phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp giáo viên.

2.6.41. [2030410], [Giáo dục học], [04]

Học phần “Giáo dục học” trang bị cho sinh viên những hiểu biết toàn diện về giáo dục, về nghề dạy học và công việc của người giáo viên trong nhà trường trung học. Thông qua việc trang bị những nội dung tổng thể về khoa học giáo dục, quá trình dạy học, quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp) và công tác quản lý nhà trường, quản lý học sinh, giúp sinh viên bồi dưỡng thái độ tích cực với nghề và xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2.6.42. [2030373], [Cơ sở khảo cổ học], [02]

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về khảo cổ học, mối quan hệ giữa khảo cổ học với các ngành khoa học khác; những hiểu biết về nguồn gốc loài người, những phát hiện về người cổ trên đất nước Việt Nam. Hiểu thêm về các phương pháp nghiên cứu khảo cổ (phương pháp điền dã và phương pháp nghiên cứu trong phòng thí nghiệm); những đặc trưng cơ bản và nội dung văn hoá của từng thời đại khảo cổ bao gồm: thời đại đồ đá, đồ đồng, đồ sắt trên thế giới và Việt Nam.

2.6.43. [2030408], [Cơ sở văn hóa Việt Nam], [02]

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam với các thành tố cơ bản thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

2.6.44. [2030488], [Lịch sử văn minh thế giới], [03]

Lịch sử văn minh thế giới là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 4 năm thứ hai. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về các nền văn minh ở phương Đông và phương Tây qua từng thời kỳ lịch sử. Cùng với đó, học phần giúp người học nắm được nét đặc thù và tính phổ quát cũng như quy luật cơ bản phát triển của văn minh nhân loại.

2.6.45. [2030495], [Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam], [02]

Học phần trang bị cho người học nội dung những kiến thức cơ bản của khoa học Dân tộc học và các dân tộc ở Việt Nam: Lý luận về quốc gia – dân tộc, tộc người; đặc điểm của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hoá tộc người Việt Nam, nội dung cơ bản về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.6.46. [2030489], [Quan hệ quốc tế], [02]

Quan hệ quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 5 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý luận quan hệ quốc tế. Cùng với đó, học phần giúp người học nắm được các mối quan hệ giữa các chủ thể, vai trò, vị thế, xu hướng vận động của từng chủ thể trong quan hệ quốc tế.

2.6.47. [2030490], [Thể chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới], [03]

Thể chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 6 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về một số thể chế chính trị tiêu biểu trong tiến trình lịch sử thế giới từ cổ đại đến hiện đại. Cùng với đó, học phần giúp người học nắm được nét đặc trưng cơ bản của các loại hình thể chế chính trị ở mỗi thời đại, cũng như những đặc điểm nổi bật từng thể chế chính trị trong cùng một thời đại, cùng một loại hình thể chế.

2.6.48. [2030491], [Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam], [02]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn minh Việt Nam bao gồm văn minh Văn Lang - Âu Lạc, văn minh Đại Việt, văn minh Chăm-pa và văn minh Phù Nam với các nội dung chủ yếu: các nền văn hóa lớn làm cơ sở cho sự hình thành, phát triển các nền văn minh; thành tựu của các nền văn minh trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Thông qua đó giúp sinh viên nắm được những đặc điểm, mối quan hệ giữa các nền văn minh và giá trị văn hóa, văn minh mà các thế hệ người Việt đã góp sức tạo nên.

2.6.49. [2030492], [Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam], [02]

Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 3 năm thứ hai. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết có hệ thống, khoa học về lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật truyền thống Việt Nam, những thành tựu cơ bản của nó gắn với từng loại hình nghệ thuật cụ thể. Qua đó, nhận diện được những đặc điểm nổi bật của các loại hình nghệ thuật truyền thống; giá trị văn hóa - thẩm mỹ... Đồng thời, vận dụng kiến thức môn học vào nghiên cứu chuyên sâu về lịch sử, văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng của Việt Nam.

2.6.50. [2010154], [Nhập môn sử học], [02]

Nhập môn Sử học là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 1 năm thứ nhất. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử, khoa học lịch sử, lịch sử của khoa học lịch sử, gia đình của khoa học lịch sử. Cùng với đó, học phần giúp người học nắm được các thông tin về chương trình đào tạo, những năng lực mà sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử cần phải có và một số phương pháp học tập tốt ngành học này.

2.6.51. [2030374], [Lịch sử thế giới cổ- trung đại 1], [02]

Môn học làm rõ các khái niệm: Phương thức sản xuất, Xã hội nguyên thủy, Xã hội cổ đại.; giới thiệu một cách có hệ thống quá trình hình thành và phát triển của lịch sử nhân loại từ khi hình thành cho đến hết thời kỳ cổ đại, thông qua việc trình bày các quốc gia-khu vực theo trình tự thời gian: Xã hội nguyên thủy, các quốc gia cổ đại phương Đông, các quốc gia cổ đại phương Tây. Trong đó tập trung tìm hiểu những vấn đề: những diễn biến của tiến trình lịch sử, tình hình chính trị, kinh tế và xã hội. Thông qua đó nêu lên những đặc trưng của từng khu vực.

2.6.52. [2030377], [Lịch sử thế giới cổ- trung đại 2], [02]

Học phần làm rõ một số khái niệm như: Chế độ phong kiến, Chế độ TBCN... Trang bị một cách có hệ thống và logic những kiến thức cơ bản về quá trình xác lập chế độ phong kiến ở Tây Âu và châu Á; sự phát triển của chế độ phong kiến qua các thời kỳ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội; Làm rõ sự chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng ở Tây Âu, sự khủng hoảng của chế độ phong kiến và những tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu; Đi sâu phân tích tình hình, đặc điểm của một số quốc gia phong kiến điển hình ở châu Á, trên cơ sở làm rõ sự khác nhau giữa chế độ phong kiến ở Tây Âu và châu Á; Nêu lên những thành tựu văn hóa tiêu biểu mà loài người đạt được trong thời kỳ phong kiến.

2.6.53. [2030493], [Lịch sử thế giới cận đại 1], [02]

Trên cơ sở làm rõ các khái niệm liên quan, học phần cập nhật và cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cốt lõi về lịch sử thế giới cận đại trên ba lĩnh vực chính. Đối với Cách mạng tư sản thời cận đại tập trung làm rõ tiền đề, mục tiêu, nhiệm vụ, loại hình, kết quả và đặc điểm của nó. Đối với Các nước Âu-Mỹ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tập trung làm rõ quá trình chuyển biến sang giai đoạn đế quốc của các nước tư bản: hoàn cảnh chuyển biến, đặc trưng kinh tế, địa vị lịch sử, đặc điểm các nước đế quốc. Đối với Quan hệ quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX – Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), khảo sát mối quan hệ quốc tế phức tạp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

2.6.54. [2030494], [Lịch sử thế giới cận đại 2], [02]

Trên cơ sở làm rõ các khái niệm liên quan, học phần cập nhật và cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cốt lõi về lịch sử thế giới cận đại trên hai lĩnh vực chính. Đối với Phong trào công nhân thời cận đại tập trung làm rõ sự hình thành giai cấp vô sản, các phong trào đấu tranh tiêu biểu, sự ra đời lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, sự trưởng thành về tổ chức của phong trào, vai trò, đặc điểm phong trào thời cận đại. Đối với Phong trào giải phóng dân tộc thời cận đại tập trung làm rõ những lý luận cơ bản của phong trào, khảo sát một số phong trào tiêu biểu ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh, qua đó rút ra điểm tương đồng, khác biệt giữa các phong trào.

2.6.55. [2030495], [Lịch sử thế giới hiện đại 1], [02]

Lịch sử thế giới hiện đại 1 là học phần thuộc khối kiến thức ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 2 năm thứ 2. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản cập nhật về các sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất trong Lịch sử thế giới giai đoạn 1917 đến nay. Cụ thể: Cách mạng tháng 10 và ảnh hưởng của nó tới phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế; bước thăng trầm của chủ nghĩa tư bản và sự thích của nó; thành tựu cơ bản và tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật với nhân loại.

2.6.56. [2030496], [Lịch sử thế giới hiện đại 2], [02]

Lịch sử thế giới hiện đại 2 là học phần thuộc khối kiến thức ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 2 năm thứ 2. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản cập nhật về các sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất trong Lịch sử thế giới giai đoạn 1917 đến nay. Cụ thể: Phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế thời hiện đại; quan hệ quốc tế thời hiện đại.

2.6.57. [2030375], [Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại 1], [02]

Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XV qua các thời kỳ: thời kỳ nguyên thủy; thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc; thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc; công cuộc xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập, tự chủ thế kỷ X; xây dựng quốc gia dân tộc thời Lý, Trần, Hồ. Thông qua đó giúp sinh viên tổng hợp những kiến thức đã học để tổ chức tốt hoạt động giáo dục và dạy học lịch sử; rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên.

2.6.58. [2030378], [Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại 2], [02]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX, bao gồm: Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV và khởi nghĩa Lam Sơn; Công cuộc xây dựng đất nước thời Lê Sơ (thế kỷ XV); tình hình Việt Nam từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội; Vương triều Nguyễn và những chính sách của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX. Thông qua đó, giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của lịch sử dân tộc từ thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX, phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

2.6.59. [2030497], [Lịch sử Việt Nam cận đại 1], [02]

Lịch sử Việt Nam cận đại 1 là học phần thuộc khối kiến thức ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 4 năm thứ hai. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về lịch sử Việt Nam thời kỳ 1858 - 1918. Qua đó, người học có khả năng tổng hợp được kiến thức về lịch sử Việt Nam thời kỳ này để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học môn Lịch sử; đồng thời thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm

cá nhân để chủ động tiếp cận kiến thức, phát triển tư duy độc lập và xây dựng phương pháp học tập hiệu quả.

2.6.60. [2030498], [Lịch sử Việt Nam cận đại 2], [02]

Lịch sử Việt Nam cận đại 2 là học phần thuộc khối kiến thức ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 4 năm thứ hai. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về lịch sử Việt Nam thời kỳ 1919 - 1945. Qua đó, người học có khả năng tổng hợp được kiến thức về lịch sử Việt Nam thời kỳ này để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học môn Lịch sử; đồng thời thực hiện được tư duy phản biện nhằm nâng cao hiệu quả học tập.

2.6.61. [5030499], [Lịch sử Việt Nam hiện đại 1], [02]

Lịch sử Việt Nam hiện đại 1 là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm lịch sử. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1965. Qua đó, giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ, toàn diện về lịch sử của dân tộc; có ý thức và trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.6.62. [5030500], [Lịch sử Việt Nam hiện đại 2], [02]

Lịch sử Việt Nam hiện đại 2 là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm lịch sử. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1965 - 1975); giai đoạn đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1985); công cuộc đổi mới toàn diện đất nước từ 1986 đến nay trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua đó, giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ, toàn diện về lịch sử của dân tộc; có ý thức và trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.6.63. [2030501], [Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội hiện thực], [03]

Trên cơ sở tường minh các khái niệm cập nhật, gồm: “Chủ nghĩa tư bản hiện đại”, “Chủ nghĩa tư bản cổ điển”, “Chủ nghĩa xã hội mácxít” học phần đi sâu tìm hiểu các giai đoạn phát triển, đặc điểm cũng như xu hướng vận động của CNTB trong lịch sử và các mô hình khu vực của chủ nghĩa tư bản trong thời đương đại; đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức cập nhật về lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện thực trong hơn 100 năm qua cũng như dự báo triển vọng của nó. Học phần này đưa ra cách tiếp cận vấn đề mang tính đa chiều, là một dạng kiến thức “mở”, nhằm khuyến khích sự nghiên cứu tiếp tục của sinh viên, ngay cả sau khi học xong học phần này.

2.6.64. [2030502], [Lịch sử khu vực Đông Nam Á], [số tín chỉ]

Học phần trình bày quá trình lịch sử của các quốc gia Đông Nam Á từ thời kỳ tiền sử cho đến nay: Đông Nam Á từ thời tiền sử đến trước chủ nghĩa thực dân: thời tiền sử và sơ sử, các quốc gia sơ kỳ

(thế kỷ I – VII), sự hình thành các vương quốc ở Đông Nam Á (thế kỷ VII – X), Sự phát triển của các vương triều phong kiến Đông Nam Á (thế kỷ X-XIII); lịch sử Đông Nam Á thế kỷ XIII – XIX, Quá trình thực dân hóa và phi thực dân hóa ở Đông Nam Á (thế kỷ XVI – năm 1945); Đông Nam Á từ năm 1945 đến nay: các nước Đông Nam Á sau ngày độc lập, liên kết giữa các nước Đông Nam Á trong tổ chức ASEAN và tình hình các nước Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay.

2.6.65. [2030503], [Biển đảo Việt Nam trong lịch sử], [02]

Biển đảo Việt Nam trong lịch sử là học phần thuộc khối kiến thức ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 6 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về Biển Đông, biển đảo Việt Nam và vai trò của nó trong lịch sử; quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam qua các thời kì; hiện trạng tranh chấp và chủ trương của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp chủ quyền về biển đảo. Qua đó giáo dục người học ý thức trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời trang bị những kiến thức và kĩ năng cần thiết để vận dụng vào công việc chuyên môn.

2.6.66. [2030504], [Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam], [02]

Học phần Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 5, năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về thân thế, quá trình hoạt động của Hồ Chí Minh, những cống hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh gắn với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước (1911) cho đến khi Người qua đời (1969).

2.6.67. [2030505], [Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam], [03]

Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học Sư phạm Lịch sử. Trên cơ sở xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung của học phần trình bày về quá trình chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam từ thời dựng nước, giữ nước đến khi đất nước được giải phóng, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, học phần làm rõ đặc điểm lịch sử chống ngoại xâm và truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam, góp phần giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm cho sinh viên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

3.6.68. [2030506], [Lịch sử đối ngoại của Việt Nam thời cận- hiện đại], [02]

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ kiến thức hệ thống tổng quan và chuyên sâu về hoạt động ngoại giao và quan hệ quốc tế của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám năm 1945, giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975) và giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, đổi mới, hội nhập quốc tế (1975 – nay). Học phần chủ yếu tập trung vào việc phân tích bối cảnh lịch sử, các chủ trương, chính sách đối ngoại, quá trình triển khai và kết quả của các hoạt động đối ngoại trong từng giai đoạn lịch sử quan trọng của Việt Nam.

3.6.69. [2030507], [Cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam], [02]

Học phần Cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về những cuộc cải cách trong lịch sử và công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. Qua đó, giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ, toàn diện về quy luật phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam.

3.6.70. [2030508], [Nhật Bản từ năm 1945 đến nay], [02]

Học phần cung cấp cái nhìn tổng quan về quá trình phát triển của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến hiện tại. Nội dung học phần tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu như: Phân tích quá trình cải cách chính trị sau chiến tranh, sự chuyển mình của chế độ chính trị dân chủ dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ. Tìm hiểu về "kỳ tích kinh tế Nhật Bản" trong thập niên 1950–1970, quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng, chính sách phát triển dựa trên xuất khẩu, khủng hoảng bong bóng kinh tế cuối thập niên 1980 và những cải cách trong thời kỳ trì trệ. Xem xét những biến đổi lớn về xã hội Nhật Bản hiện đại, từ quá trình đô thị hóa, cải cách giáo dục, cho đến các vấn đề xã hội hiện đại như già hóa dân số, tỷ lệ sinh thấp và biến đổi trong cấu trúc gia đình. Đánh giá các chính sách nội địa chủ yếu nhằm duy trì ổn định chính trị - xã hội, phát triển khoa học - công nghệ, cải cách hành chính và bảo vệ môi trường trong bối cảnh toàn cầu hóa. Phân tích chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ sau 1945, đặc biệt là quan hệ với Hoa Kỳ và xu hướng tăng cường vai trò quốc tế trong bối cảnh mới.

3.6.71. [2030509], [Chiến tranh và hòa bình trong thế kỷ XX], [02]

Học phần “Chiến tranh và hòa bình trong thế kỷ XX” tập trung tìm hiểu về hai cuộc chiến tranh thế giới – những sự kiện mang tính bước ngoặt đã định hình trật tự chính trị, kinh tế và xã hội toàn cầu trong thế kỷ XX. Qua việc phân tích nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của hai cuộc chiến tranh, học sinh sẽ nhận thức rõ bản chất phi nghĩa, tàn khốc của chiến tranh đế quốc, đồng thời hiểu được vai trò của các tổ chức quốc tế và nỗ lực của nhân loại trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới. Giúp học sinh tiếp cận các khái niệm như “hòa bình tích cực”, phong trào phản chiến, giải trừ quân bị và hợp tác quốc tế trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh và hậu Chiến tranh Lạnh.

3.6.72. [2030510], [Lịch sử kinh tế Việt Nam], [02]

Học phần trình bày quá trình phát triển của kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: từ thời nguyên thủy, dựng nước và giữ nước đến thời phong kiến độc lập; tiếp đến thời Pháp thuộc (1885 -1945), thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954); kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975); thời kỳ đất nước hòa bình, thống nhất và phát triển kinh tế từ 1976 – 1986; thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế (1986 đến nay). Trên cơ sở đó, giúp người học nhận diện đặc trưng của nền kinh tế Việt Nam qua mỗi thời kỳ lịch sử và xác định trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước hiện nay.

3.6.73. [2030511], [Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam], [02]

Học phần Nhà nước và pháp luật Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 2 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, thay thế, phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam từ buổi đầu xuất hiện nhà nước cho đến nay. Học phần làm rõ cơ cấu, tổ chức, việc thành lập cơ quan hành chính và nội dung cải cách hành chính liên quan đến hoạt động đào tạo, tuyển chọn, sử dụng, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đội ngũ quan chức của từng chính quyền nhà nước. Đồng thời, giúp người học rút ra được đặc điểm, bản chất bộ máy nhà nước Việt Nam các thời kỳ. Thành tựu lập pháp, nội dung, đặc điểm của pháp luật Việt Nam ở mỗi giai đoạn lịch sử.

3.6.74. [2010232], [Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương], [02]

Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 5 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về khái niệm, đối tượng nghiên cứu lịch sử địa phương; vị trí, ý nghĩa, tình hình và nội dung cơ bản của công tác nghiên cứu lịch sử địa phương; những kiến thức về phương pháp nghiên cứu lịch sử địa phương; những kiến thức về biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương ở trường THPT. Trên cơ sở đó, giúp người học biết thực hiện việc nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy một số vấn đề lịch sử địa phương ở trường THPT.

3.6.75. [2010233], [Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng], [02]

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp người học hiểu được vai trò và ý nghĩa của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; so sánh được hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng với hoạt động viết sáng kiến kinh nghiệm, hoạt động nghiên cứu bài học của giáo viên; phân tích được quy trình và các phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng phù hợp với từng cấp học.

3.6.76. [2010234], [Phương pháp luận sử học], [02]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về khái niệm, nội dung, lịch sử phát triển của phương pháp luận sử học nói chung; những hiểu biết cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít-lêninnít về hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử và khoa học lịch sử; đồng thời nắm vững những quan điểm cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít-lêninnít trong nhận thức lịch sử. Từ đó, rèn luyện kỹ năng vận dụng những vấn đề lý luận cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít-lêninnít trong công tác sử học, đấu tranh chống lại các quan điểm sử học phi mácxít.

3.6.77. [2010235], [Lý luận dạy học lịch sử], [04]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về khoa học phương pháp dạy học lịch sử, về môn Lịch sử và người giáo viên Lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam; đặc biệt giúp cho người học đi sâu tìm hiểu các vấn đề: Hình thành kiến thức lịch sử cho học sinh THPT; Giáo dục học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT; Phát triển học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT.

3.6.78. [2010236], [Phương pháp và kỹ thuật dạy học lịch sử], [03]

Phương pháp và kỹ thuật dạy học Lịch sử là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 5 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần trình bày những hiểu biết cơ bản về quá trình dạy học; đổi mới phương pháp dạy học; hệ thống phương pháp và kỹ thuật dạy học lịch sử; một số phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại; các biện pháp, thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử. Dựa vào những kiến thức này, người học có thể lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông một cách sáng tạo và phù hợp.

3.6.79. [2010237], [Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học lịch sử], [02]

Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học Lịch sử là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 6 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về xây dựng kế hoạch trong dạy học lịch sử, bao gồm kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục; các hình thức tổ chức dạy học lịch sử như bài lịch sử nội khóa, bài thực hành lịch sử, hoạt động ngoại khóa lịch sử. Qua đó, người học có thể chuẩn bị kế hoạch và tiến hành các hình thức tổ chức dạy học lịch sử một cách linh hoạt, sáng tạo, hợp lý nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn ở trường phổ thông.

3.6.80. [2010238], [Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử], [02]

Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần trang bị cho người học kiến thức về vai trò, ý nghĩa và yêu cầu của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử; sử dụng một số phần mềm trong dạy học lịch sử; sử dụng một số công cụ tìm kiếm tài liệu trên internet; sử dụng một số thiết bị hiện đại hỗ trợ dạy học.

3.6.81. [2010239], [Kiểm tra, đánh giá trong dạy học lịch sử], [02]

Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, bao gồm: đổi mới kiểm tra và đánh giá trong dạy học lịch sử; các hình thức kiểm tra, đánh giá: quan sát, vấn đáp, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập, học sinh tự đánh giá,... Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện năng lực xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá: đề kiểm tra và đáp án môn Lịch sử, phiếu đánh giá,... phù hợp với thực tiễn dạy học ở phổ thông.

3.6.82. [2010072], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1], [02]

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1 là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 6 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần trình bày những nhận thức cơ bản về rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên sư phạm Lịch sử. Từ nhận thức lý luận, giảng viên hướng dẫn và tổ chức sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản: diễn đạt; trình bày bảng; xây dựng và sử dụng đồ dùng trực quan; lập hồ sơ tư liệu dạy học; tổ chức hoạt động nhóm; tổ chức tự học; xử lý tình huống sư phạm; tổ chức hoạt động ngoại khóa; sử dụng phương tiện dạy học; công tác chủ nhiệm lớp.

3.6.83. [1070255], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2], [02]

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng thực hành xây dựng kế hoạch và giảng dạy các loại bài học thuộc chương trình môn Lịch sử hiện hành, tổ chức hoạt động ngoại khóa lịch sử và các hoạt động giáo dục. Trên cơ sở hoàn thành những bài thực hành này, sinh viên tiếp tục vận dụng sáng tạo, hiệu quả năng lực dạy học và giáo dục trong quá trình công tác ở trường phổ thông.

3.6.84. [2010240], [Phương tiện dạy học lịch sử], [02]

Phương tiện dạy học Lịch sử là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của việc sử dụng phương tiện dạy học trong môn Lịch sử; phân loại và biện pháp sử dụng các loại phương tiện trong dạy học lịch sử; khái niệm về bài giảng điện tử và các yêu cầu, quy trình thiết kế cũng như tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử; những nguyên tắc sử dụng và ứng dụng cơ bản của Internet cũng như một số phần mềm phổ biến, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

3.6.85. [2010299], [Hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử], [02]

Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần trang bị những hiểu biết cơ bản về hoạt động trải nghiệm trong dạy học; khái quát vai trò, ý nghĩa, các hình thức của hoạt động trải nghiệm cũng như mối quan hệ của hoạt động này với hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử; những yêu cầu và việc xác định nội dung của hoạt động trải nghiệm; những nguyên tắc và biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử, phù hợp với điều kiện thực tế ở các trường phổ thông.

3.6.86. [1150422], [Khởi nghiệp], [02]

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và dự kiến bố trí vào học kỳ 5. Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp giúp trang bị cho người học kiến thức nền tảng về

khởi nghiệp, giúp người học hiểu về khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhận diện cơ hội khởi nghiệp, hình thành ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng mô hình kinh doanh, hoạch định con đường khởi nghiệp thông qua lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường. Ngoài ra ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi người học.

3.6.87. [1070119], [Thực tập sư phạm 1], [01]

Thực tập sư phạm 1 là học phần bổ trợ trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm, được tiến hành vào kì 7, năm thứ tư. Trên cơ sở mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng dạy học môn Lịch sử và kỹ năng giáo dục; thực hiện năng lực giao tiếp với giáo viên và học sinh; năng lực giải quyết tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

3.6.88. [1070120], [Thực tập sư phạm 2], [05]

Thực tập sư phạm 2 là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm, được tiến hành vào kì 8, năm thứ tư. Trên cơ sở mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng dạy học môn Lịch sử; thực hiện năng lực giao tiếp với giáo viên và học sinh; năng lực giải quyết tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng giáo dục và giải quyết các vấn đề giáo dục học sinh phù hợp với thực tiễn ở trường phổ thông.

3.6.89. [2010041], [Thực tế chuyên môn], [02]

Thực tế chuyên môn là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 6 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử thông qua hoạt động thực tế tại các di tích, bảo tàng, nhà lưu niệm... Qua đó, người học không chỉ xác định được những kiến thức lịch sử Việt Nam cần thiết để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Lịch sử, thực hiện được khả năng nghiên cứu khoa học, khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và hợp tác, mà còn vận dụng được kiến thức giao tiếp vào thực tiễn và xác định được những vấn đề đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên, ý thức phục vụ cộng đồng thông qua, góp phần phát triển các mối quan hệ giữa nhà trường và xã hội.

3.6.90. [2010075], [Khóa luận tốt nghiệp], [06]

Học phần tạo điều kiện cho người học nghiên cứu chuyên sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực Lịch sử hoặc khoa học sư phạm ứng dụng, qua đó vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng đã tích lũy trong suốt quá trình học để giải quyết một vấn đề cụ thể trong chuyên ngành. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, người học xây dựng và thực hiện đề tài nghiên cứu, phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu khoa học. Người học đủ điều kiện thực hiện khóa luận dựa trên kết quả học tập

theo quy định của nhà trường. Trong quá trình thực hiện, người học phải tuân thủ đúng quy trình và yêu cầu về hình thức, nội dung của khóa luận. Kết quả học phần được đánh giá thông qua buổi bảo vệ trước Hội đồng khoa học chuyên môn.

3.6.91. [2030512], [Một số vấn đề cơ bản về lịch sử thế giới], [02]

Một số vấn đề cơ bản về lịch sử thế giới là học phần thuộc khối kiến thức học phần thay thế tốt nghiệp và được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 8 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật một số vấn đề về lịch sử thế giới từ thời kỳ cổ - trung đại đến thời kỳ cận - hiện đại. Cùng với đó, học phần giúp người học nắm vững những diễn tiến, quy luật vận động mang tính bản chất của tiến trình lịch sử xã hội loài người từ trước đến nay.

3.6.92. [2030513], [Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam], [02]

Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chủ yếu của một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam như: danh nhân trong lịch sử Việt Nam; lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam; di sản văn hóa Việt Nam. Thông qua đó giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng những kiến thức cơ bản của một số vấn đề về Lịch sử Việt Nam trong hoạt động thực tiễn dạy học lịch sử ở trường phổ thông; rèn luyện tư duy phân biện, khả năng tự học, tự nghiên cứu, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên.

3.6.93. [2010076], [Phát triển năng lực học sinh trong dạy học lịch sử], [02]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về dạy học phát triển năng lực học sinh ở trường phổ thông nói chung; về đặc điểm và yêu cầu cần đạt của năng lực chung và năng lực lịch sử; về vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển năng lực học sinh trong môn Lịch sử ở trường THPT.

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Lê Tuấn

TP. ĐÀO TẠO

TS. Lê Xuân Vinh



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

